

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 18-4-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Hồ Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Đỗ Xuân Quyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 05/TB-TA ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu A, nơi cư trú: 32/32/143 đường TĐT, quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, địa chỉ: 49 ChamA, TT Ontario, M6N 3M1, Canada; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu A trình bày:*

Chị Phạm Thị Thu A kết hôn với anh Nguyễn Văn B tại Thái Lan theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 3550/106593 tại quận Bang Rak, thủ đô Bangkok, Thái Lan vào ngày 20 tháng 7 năm 2011 và đã ghi chú vào Sổ đăng ký kết hôn số 611 quyển số 03/2011 tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày

14 tháng 12 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên từ năm 2016 đến nay, do cách trở về địa lý, vợ chồng nhiều mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến đời sống, tình cảm hay tiền bạc của nhau. Hiện nay chị đang sinh sống tại Hải Phòng, anh B sinh sống và làm việc tại Toronto, Canada. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh Nguyễn Văn B, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài đời sống hôn nhân chỉ gây đau khổ cho nhau nên Chị A yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị A và anh B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với kết quả ủy thác cho bị đơn anh Nguyễn Văn B:*

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nội dung câu hỏi yêu cầu anh Nguyễn Văn B trả lời để cung cấp thông tin cho Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 24/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 1107/CH-BTP ngày 13/5/2021 của Bộ Tư pháp về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ cho bị đơn là anh Nguyễn Văn B. Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng vẫn chưa nhận được kết quả thực hiện việc tổng đạt cho anh Nguyễn Văn B. Do đó, Tòa án đã hoãn phiên tòa và có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài. Ngày 07 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhận được văn bản trả lời số 443/BTP-PLQT ngày 25 tháng 2 năm 2022 và những tài liệu kết quả tổng đạt kèm của Bộ Tư pháp với nội dung: Cơ quan có thẩm quyền của Canada đã nỗ lực thực hiện tổng đạt được cho anh Nguyễn Văn B đến lần thứ ba nhưng vẫn không tổng đạt được.

*Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Thu A kết hôn với ông Nguyễn Văn B tại Thái Lan theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 3550/10659 tại quận Bang Rak, thủ đô Bangkok, Thái Lan và đã ghi chú vào Sổ đăng ký kết hôn số 611 quyển số 03/2011 tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 12 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu

thuần vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu A được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Về con chung: Chị Phạm Thị Thu A khai chị và anh Nguyễn Văn B không có, không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu A khai chị và anh Nguyễn Văn B không có, không yêu cầu nên không phải giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn B hiện đang sinh sống tại Canada, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu A kết hôn với anh Nguyễn Văn B và có đăng ký kết hôn tại quận Bang Rak, thủ đô Bangkok, Thái Lan với số đăng ký kết hôn 3550/10659 ngày 20/7/2011 và đã ghi chú vào Sổ đăng ký kết hôn số 611 quyển số 03/2011 tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 12 năm 2011. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị A trình bày sau khi chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian, do cách trở về địa lý nên vợ chồng nhiều mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến đời sống cá nhân, tình cảm hay tiền bạc của nhau. Chị A xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với ông Nguyễn Văn B. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng mỗi người một nơi. Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thu A.

[4] Về con chung Chị A khai chị và anh Nguyễn Văn B không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị A khai chị và anh Nguyễn Văn B không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp: Chị Phạm Thị Thu A là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu A được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Chị A khai chị và anh Nguyễn Văn B không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị A khai chị và anh Nguyễn Văn B không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp:

Chị Phạm Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018795 ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Thu A phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) chi phí uỷ thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018796 ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Thu A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí uỷ thác tư pháp.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Thu A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Minh Nguyệt - Phạm Mạnh Hùng**

**Đặng Hồ Điệp**

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**